

CHỈ SỐ CÔNG TƠ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K1

Tháng 11/2015

STT	Số phòng	Số SV ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	Phòng trực Y tế	3.773	3.810				
2	102	8	4.725	4.910	185	1.965	363.451	
3	103	8	5.829	5.899	70	1.965	137.522	
4	104	8	4.426	4.527	101	1.965	198.425	
5	105	8	4.595	4.735	140	1.965	275.044	
6	106	8	3.966	4.051	85	1.965	166.991	
7	107	PSHC	1.725	1.739			0	
8	108		1.761	1.789			0	
9	109	7	2.321	2.404	83	1.965	163.062	
10	110	8	3.182	3.272	90	1.965	176.814	
11	111	8	2.833	2.934	101	1.965	198.425	
12	112	8	4.703	4.817	114	1.965	223.964	
13	113	7	3.673	3.772	99	1.965	194.495	
14	114	7	4.421	4.492	71	1.965	139.487	
15	201	8	2.748	2.846	98	1.965	192.531	
16	202	4	5.073	5.152	79	1.965	155.203	
17	203	8	3.960	4.140	180	1.965	353.628	
18	204	6	7.003	7.166	163	1.965	320.230	
19	205	8	5.173	5.259	86	1.965	168.956	
20	206	8	5.125	5.240	115	1.965	225.929	
21	207	6	3.108	3.185	77	1.965	151.274	
22	208	8	5.389	5.492	103	1.965	202.354	
23	209	8	5.103	5.287	184	1.965	361.486	
24	210	8	5.656	5.712	56	1.965	110.018	
25	211	8	5.071	5.135	64	1.965	125.734	
26	212	8	6.292	6.381	89	1.965	174.849	
27	213	8	6.206	6.300	94	1.965	184.672	
28	214	8	5.781	5.864	83	1.965	163.062	
29	301	1 SV ẩn độ	4.999	5.062	63	1.965	123.770	
30	302	5	6.052	6.139	87	1.965	170.920	
31	303	7	5.671	5.745	74	1.965	145.380	
32	304	8	4.764	4.803	39	1.965	76.619	
33	305	7	5.839	5.972	133	1.965	261.292	
34	306	7	4.828	4.943	115	1.965	225.929	
35	307	PSHC	848	870		1.965	0	
36	308		660	675		1.965	0	
37	309	8	5.018	5.139	121	1.965	237.717	

38	310	8		6.259	6.324	65	1.965	127.699	
39	311	8		3.585	3.649	64	1.965	125.734	
40	312	8		4.643	4.717	74	1.965	145.380	
41	313	8		5.356	5.465	109	1.965	214.141	
42	314	8		5.957	6.019	62	1.965	121.805	
43	401	8		3.661	3.766	105	1.965	206.283	
44	402	8		4.290	4.403	113	1.965	222.000	
45	403	8		3.275	3.397	122	1.965	239.681	
46	404	8		3.381	3.444	63	1.965	123.770	
47	405	1		4.471	4.557	86	1.965	168.956	
48	406	8		6.495	6.572	77	1.965	151.274	
49	407	8		5.877	5.969	92	1.965	180.743	
50	408	8		4.007	4.101	94	1.965	184.672	
51	409	7		5.556	5.727	171	1.965	335.947	
52	410	8		3.567	3.671	104	1.965	204.318	
53	411	8		4.711	4.821	110	1.965	216.106	
54	412	8		5.978	6.024	46	1.965	90.372	
55	413	8		3.801	3.875	74	1.965	145.380	
56	414	8		4.737	4.835	98	1.965	192.531	
57	501	7		2.726	2.813	87	1.965	170.920	
58	502	8		4.576	4.625	49	1.965	96.265	
59	503	7		2.000	2.081	81	1.965	159.133	
60	504	8		3.110	3.246	136	1.965	267.186	
61	505	8		3.239	3.363	124	1.965	243.610	
62	506	1	SVNN TT	4.226	4.323	97	1.965	190.566	
63	507	3	CPC	2.997	3.034	37	1.965	72.690	
64	508	1	SVNN TT	8.622	8.900	278	1.965	546.159	
65	509	1	SVNN TT	4.981	5.102	121	1.965	237.717	
66	510	8		3.761	3.864	103	1.965	202.354	
67	511	8		6.342	6.433	91	1.965	178.779	
68	512	8		3.315	3.372	57	1.965	111.982	
69	513	8		3.148	3.244	96	1.965	188.602	
70	514	8		4.763	4.866	103	1.965	202.354	
	Cộng	460				6.431		12.634.343	

(Bảng chữ: Mười hai triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng)

Trong đó: - Nhà trường hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài thực tập là 500.000 đ/phòng

- Số tiền phải nộp là: 11.706.060 đồng

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Đào Việt Hòa

Trần Thị Hà